



**SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE**

**VIMĀNAVATTHUPĀḶI**

**&**

**CHUYỆN THIÊN CUNG**

## 6. PĀYĀSIVAGGO

### 6. 1.

1049. Yathā vanaṃ cittalataṃ pabhāsati  
uyyānasetṭhaṃ tidasānamuttamaṃ,  
tathūpamaṃ tuyhamidaṃ vimānaṃ  
obhāsayaṃ tiṭṭhati antaḷikkhe.<sup>1</sup>

1050. Deviddhipattosi mahānubhāvo  
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,  
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.

1051. So devaputto attamano moggallānena pucchito,  
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalan 'ti.<sup>2</sup>

1052. Ahañca bhariyā ca manussaloke  
opānabhūtā gharamāvasimha,<sup>3</sup>  
annañca pānañca pasannacittā  
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adamha.

1053. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,  
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.

1054. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva  
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,  
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati 'ti.

### Agāriyavimānaṃ.

### 6. 2.

1055. Yathā vanaṃ cittalataṃ pabhāsati  
uyyānasetṭhaṃ tidasānamuttamaṃ,  
tathūpamaṃ tuyhamidaṃ vimānaṃ  
obhāsayaṃ tiṭṭhati antaḷikkhe.

1056. Deviddhipattosi mahānubhāvo  
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,  
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati 'ti.

---

<sup>1</sup> antalikkhe - Ma, Syā, PTS.

<sup>2</sup> phalaṃ - Ma, Syā, PTS.

<sup>3</sup> āvasimhā - Syā.

## 6. PHẨM PĀYĀSI

### 6. 1.

1049. “Thiên cung này của người chiếu sáng khu rừng Cittalatā, vườn hoa hạng nhất, tối thượng ở cõi Ba Mươi như thế nào, thì nó ngự ở không trung, đang chói sáng tương tự như thế ấy.

1050. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1051. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1052. “Ở thế giới loài người, tôi và người vợ đã sống tại gia, có trạng thái là nguồn cung cấp nước. Với tâm tịnh tín, chúng tôi đã cung kính dâng cúng vật thí cơm ăn và nước uống dồi dào.

1053. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1054. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

### Thiên Cung của Người Tại Gia.

### 6. 2.

1055. “Thiên cung này của người chiếu sáng khu rừng Cittalatā, vườn hoa hạng nhất, tối thượng ở cõi Ba Mươi như thế nào, thì nó ngự ở không trung, đang chói sáng tương tự như thế ấy.

1056. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1057. So devaputto attamano moggallānena pucchito,  
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1058. Ahañca bhariyā ca manussaloke  
opānabhūtā gharamāvasimha,<sup>1</sup>  
annañca pānañca pasannacittā  
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adamha.
1059. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,  
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
1060. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva  
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,  
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ’ti.

### Dutiya agāriyavimānaṃ.

#### 6. 3.

1061. Uccamidam mañithūṇaṃ vimānaṃ  
samantato soḷasa<sup>2</sup> yojanāni,  
kūtāgārā sattasatā uḷārā  
veḷuriyatthambhā rucakatthata<sup>3</sup> subhā.
1062. Tatthacchasi pivasi khādasi<sup>4</sup> ca  
dibbā ca vīṇā pavadanti vaggūṃ,<sup>5</sup>  
aṭṭhaṭṭhakā sikkhitā sādthurūpā  
dibbā ca kaññā tidasacarā uḷārā,  
naccanti gāyanti pamodayanti.
1063. Deviddhipattosi mahānubhāvo  
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,  
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati ’ti.
1064. So devaputto attamano moggallānena pucchito,  
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1065. Phaladāyī phalaṃ vipulaṃ labhati  
dadamujjugatesu<sup>6</sup> pasannamānaso,  
so hi modati<sup>7</sup> saggagato<sup>8</sup> tidive  
anubhoti ca puññaphalaṃ vipulaṃ,  
tathevāhaṃ<sup>9</sup> mahāmuni adāsiṃ caturo phale.

<sup>1</sup> āvasimhā - Syā.

<sup>2</sup> dvādasa - Syā.

<sup>3</sup> ruciratthata - Syā.

<sup>4</sup> khādasi - PTS.

<sup>5</sup> vaggū - Syā, PTS.

<sup>6</sup> dadamujjugatesu - Ma.

<sup>7</sup> pamodati - Ma.

<sup>8</sup> saggappatto - Syā.

<sup>9</sup> tavevāhaṃ - Ma.

1057. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1058. “Ở thế giới loài người, tôi và người vợ đã sống tại gia, có trạng thái là nguồn cung cấp nước. Với tâm tịnh tín, chúng tôi đã cung kính dâng cúng vật thí cơm ăn và nước uống dồi dào.

1059. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1060. Thừa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”<sup>1</sup>

### **Thiên Cung của Người Tại Gia thứ nhì.**

#### **6. 3.**

1061. Thiên cung này cao, có cột trụ bằng ngọc ma-ni ở xung quanh mười sáu do-tuần, có bảy trăm ngôi nhà mái nhọn cao sang với các cột làm bằng ngọc bích, được trải lót bằng vàng, xinh đẹp.

1062. Ở nơi ấy, người trú ngụ, người uống, và người ăn. Có các cây đàn *vīṇā* thuộc cõi Trời phát ra âm thanh dễ thương, và tám lần tám các cô thiếu nữ thuộc cõi Trời, sống ở cõi Ba Mươi, cao sang, đã được học tập, có dáng vóc nghiêm trang, nhảy múa, ca hát làm trò tiêu khiển.

1063. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1064. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1065. Người bố thí trái cây đạt được quả báu dồi dào, trong khi bố thí với tâm ý tịnh tín đến những vị đã thực hành nghiêm chỉnh, chính người ấy, đã đi đến cõi trời, vui sướng ở cõi Đạo Lợi. Thừa bậc đại hiền trí, tương tự y như thế, tôi đã dâng cúng bốn trái cây, và tôi thọ hưởng quả phước dồi dào.

---

<sup>1</sup> Câu chuyện này và câu chuyện trước hoàn toàn giống nhau.

1066. Tasmā hi phalaṃ alameva dātuṃ  
niccaṃ manussena sukhatthikena,  
dibbāni vā patthayatā sukhāni  
manussasobhagatamicchatā vā.<sup>1</sup>
1067. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,  
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
1068. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva  
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,  
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

### **Phaladāyakavimānaṃ.**

#### **6. 4.**

1069. Cando yathā vigatavalāhake nabhe  
obhāsayaṃ gacchati antaḷikkhe,  
tathūpamaṃ tuyhamidaṃ vimānaṃ  
obhāsayaṃ tiṭṭhati antaḷikkhe.
1070. Deviddhipattosi mahānubhāvo  
manussabhūto kimakāsi puññaṃ,  
kenāsi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca te sabbadisā pabhāsati ’ti.
1071. So devaputto attamano moggallānena pucchito,  
pañhaṃ puṭṭho viyākāsi yassa kammassidaṃ phalaṃ.
1072. Ahañca bhariyā ca manussaloke  
upassayaṃ arahato adamha,  
annañca pānañca pasannacittā  
sakkacca dānaṃ vipulaṃ adamha.
1073. Tena me tādiso vaṇṇo tena me idhamijjhati,  
uppajjanti ca me bhogā ye keci manaso piyā.
1074. Akkhāmi te bhikkhu mahānubhāva  
manussabhūto yamakāsi puññaṃ,  
tenamhi evaṃ jalitānubhāvo  
vaṇṇo ca me sabbadisā pabhāsati ”ti.

### **Paṭhama-upassayadāyakavimānaṃ.**

<sup>1</sup> manussasobhāgyatamicchitā vā ti - Syā.

1066. Chính vì thế, là quá đủ để người mong ước hạnh phúc bố thí trái cây thường xuyên, là người đang ước nguyện các hạnh phúc thuộc cõi Trời, hay là đang mong muốn trạng thái giàu sang thuộc loài người.

1067. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1068. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

### **Thiên Cung của Người Bố Thí Trái Cây.**

#### **6. 4.**

1069. Giống như mặt trăng di chuyển ở bầu trời có đám mây đen đã được tản mát, đang chói sáng; tương tự như thế ấy Thiên cung này của người ngự ở không trung, đang chói sáng.

1070. Người đã đạt được thần thông của chư Thiên, có đại oai lực. Khi là con người, người đã làm việc phước thiện gì? Do điều gì mà người có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của người chiếu sáng khắp các phương?”

1071. Vị Thiên tử ấy hoan hỷ khi được ngài Moggallāna hỏi đến. Được hỏi câu hỏi, vị ấy đã giải thích quả báu này là của nghiệp nào:

1072. “Ở thế giới loài người, tôi và người vợ đã sống tại gia, đã bố thí trú xứ đến vị A-la-hán. Với tâm tịnh tín, chúng tôi đã cung kính dâng cúng vật thí cơm ăn và nước uống dồi dào.

1073. Do điều ấy, tôi có được màu da như thế ấy. Do điều ấy mà (sự việc) được thành tựu cho tôi ở nơi đây. Và (do điều ấy) các sự hưởng thụ thích ý sanh lên cho tôi.

1074. Thưa vị tỳ khưu có đại oai lực, tôi trình bày cho ngài về việc phước thiện tôi đã làm khi là con người. Do điều ấy mà tôi có oai lực được rực sáng như vậy, và màu da của tôi chiếu sáng khắp các phương.”

### **Thiên Cung của Người Bố Thí Trú Xứ thứ nhất.**